

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/ DS-ST

Ngày : 29-11-2019.

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Kim Trang.

2/ Ông Đặng Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 129/2019/TLST – DS ngày 10 tháng 7 năm 2019, về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST–DS ngày 25/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2019/QĐST - DS ngày 12/11/2019; giữa các đương sự :

Nguyên đơn: 1/ Bà Phan Thị P – sinh năm 1966;

2/ Ông Nguyễn M - sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: Thôn 3, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn : 1/ Ông Nguyễn Ngọc T – sinh năm 1978;

2/ Bà Phạm Thị Hồng G - sinh năm 1977;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T – sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/7/2019, bổ sung ngày 26/7/2019 và tại bản khai, nguyên đơn bà Phan Thị P, ông Nguyễn M trình bày: Vợ chồng ông bà với ông T, bà G không có quan hệ họ hàng gì, chỉ là quen biết nhau. Vào ngày 16/12/2017 vợ chồng ông bà có bán cho vợ chồng ông T, bà G 16.372kg thanh long trái với số tiền là 185.280.000đ. Khi bán chỉ thỏa thuận bằng miệng và không có giấy tờ gì. Sau khi mua thanh long một thời gian thì ông T, bà G có trả được cho vợ chồng ông bà số tiền 55.000.000đ (số tiền này trả 02 lần: lần một 50.000.000đ, sau đó vài tháng trả được 5.000.000đ). Việc mua bán không có giấy tờ gì, chỉ có trong quá trình tính toán thì bà có ghi một giấy về số lượng ký thanh long, giá tiền và có con gái của ông T, bà G tên là Nguyễn Thị Ngọc T ký vào giấy với nội dung còn nợ của vợ chồng ông bà số tiền 135.280.000đ. Mặc dù rất nhiều lần thúc dục, nói chuyện nhưng ông T, bà G không chịu trả nợ cho vợ chồng ông bà. Đến tháng 6/2018 vợ chồng ông bà có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Hồng Sơn giải quyết, tại buổi làm việc thì ông T, bà G hứa sẽ trả hết nợ trong năm 2019 nhưng ông T, bà G không thực hiện, nên vợ chồng ông bà đã khởi kiện ra Tòa án, nhưng sau đó ông T, bà G hứa đến tháng 6/2019 sẽ trả nợ, nên vợ chồng ông bà rút đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Sau khi rút đơn về thì ông bà tiếp tục thúc dục ông T, bà G trả nợ (bằng nội dung cuộc điện thoại đã cung cấp cho Tòa án) nhưng ông T, bà G không trả nợ. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T, bà Phạm Thị Hồng G phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền mua thanh long còn nợ là 130.280.000đ (Một trăm ba mươi triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 27/6/2018 cho đến nay theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, đại diện Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần triệu tập và đến nơi ở của ông T, bà G, bà T để tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông T, bà G, bà T cố tình lẩn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật, ông T, bà G, bà T vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Việc bà P, ông M yêu cầu ông T, bà G phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền mua thanh long còn nợ là hoàn toàn có căn cứ. Bởi vì căn cứ vào tờ giấy ghi việc mua bán thanh long thể hiện số tiền còn nợ lại là

130.280.000đ có chữ ký của Nguyễn Thị Ngọc T con gái ông T, bà G ký tên vào, hơn nữa tại Biên bản làm việc ngày 27/6/2018 thì nội dung thể hiện ông T đồng ý có nợ vợ chồng bà P, ông M số tiền 130.280.000đ. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết thì ông T, bà G, bà T cố tình lẫn tránh. Điều đó thể hiện sự xem thường pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T, bà G phải hoàn trả cho bà P, ông M số tiền nợ tổng cộng là 130.280.000đ cùng với tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/6/2018 cho đến nay theo mức lãi suất 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả lại số tiền nguyên đơn đã bán thanh long mà bị đơn chưa thanh toán. Đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Bị đơn có địa chỉ tại thôn 4, xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được pháp luật quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, bà Phạm Thị Hồng G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Tuấn, bà Gấm và bà Thuận.

[2]*Về nội dung:*

[2.1] Vợ chồng bà Phan Thị P, ông Nguyễn Mỹ yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T, bà Phạm Thị Hồng G phải hoàn trả cho bà P, ông M số tiền mà bà P đã bán thanh long cho ông T, bà G còn nợ lại là 130.280.000đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/6/2018 cho đến nay.

Chứng cứ vợ chồng bà P, ông M đưa ra là một tờ giấy ghi nhận số ký bán thanh long không ngày tháng, năm do con gái ông T, bà G ký ghi họ tên Nguyễn Thị Ngọc T; 01 Biên bản làm việc do Ủy ban nhân dân xã Hồng Sơn lập ngày 27/6/2019 và nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà P với ông T.

Xét nội dung giấy ghi nhận số ký bán thanh long không ngày tháng, năm trong đó thể hiện số tiền còn nợ lại là 135.280.000đ do con gái ông T, bà G ký ghi họ tên

Nguyễn Thị Ngọc T. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa bà P, ông M chỉ yêu cầu bà G, ông T phải trả số tiền mua thanh long còn nợ cho vợ chồng ông bà là vì chính ông T, bà G là người đứng ra mua thanh long của vợ chồng bà, còn bà T là con gái của ông T, bà G chỉ là người ký xác nhận chưa thanh toán tiền cho vợ chồng bà, sau đó ông T bà G có trả cho bà được 5.000.000đ và tại Biên bản làm việc do Ủy ban nhân dân xã Hồng Sơn lập ngày 27/6/2018 có nội dung ông T, bà G thống nhất còn nợ bà P số tiền về việc mua thanh long là 130.280.000đ, nhưng sau đó vợ chồng ông T, bà G không thực hiện việc trả nợ cho bà P, ông M. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, rất nhiều lần Tòa án phối hợp cùng với chính quyền địa phương đến nơi ở của ông T, bà G, bà T để tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa, nhưng ông T, bà G cũng như bà T đều cố tình lẩn tránh và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đủ cơ sở để khẳng định vào năm 2017 giữa bà P với vợ chồng ông T, bà G có giao dịch việc mua bán thanh long, vợ chồng ông T, bà G còn nợ bà P số tiền là 130.280.000đ, nhưng sau đó ông T, bà G không thanh toán, do vậy đã nhiều lần bà P đòi và có đơn đến chính quyền địa phương nơi ông T, bà G cư trú yêu cầu giải quyết, ông T bà G có xác nhận số nợ trên, nhưng vẫn không thanh toán cho bà P. Nay bà P, ông M yêu cầu vợ chồng ông T, bà G phải hoàn trả cho vợ chồng bà P, ông M số tiền 130.280.000đ là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Ngoài ra vợ chồng bà P, ông M yêu cầu ông T, bà G phải trả cho ông bà khoản tiền lãi kể từ ngày 27/6/2018 cho đến nay theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch mua bán giữa bà P, ông M với ông T, bà G diễn ra vào năm 2017, đến ngày 27/6/2018 thì ông T có hứa sẽ hoàn trả tiền cho bà P, ông M số tiền nợ, nhưng ông T, bà G không thực hiện. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với khoản giao dịch trên thì mức lãi suất được tính là 10%/năm, do vậy việc bà P, ông M yêu cầu tính lãi đối với số tiền 130.280.000đ từ ngày 27/6/2018 là có cơ sở để chấp nhận, cụ thể: $130.280.000đ \times 10\%/năm \times 17 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 18.454.600đ$.

[2.3] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của bà P, ông M là hoàn toàn có cơ sở.

[3] *Về án phí*: Bà G, ông T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền có trách nhiệm trả cho bà P, ông M tổng cộng là 148.734.600đ theo quy định tại 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà P, ông M không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà P, ông M số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo quy định tại 145 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 207; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân gia đình;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị P, ông Nguyễn M.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T, bà Phạm Thị Hồng G phải hoàn trả cho bà Phan Thị P, ông Nguyễn M số tiền mua thanh long còn nợ là 130.280.000đ cùng với số tiền lãi phát sinh 18.454.600đ, tổng cộng là 148.734.600đ (Một trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng)

2/ Về án phí:

Ông Nguyễn Ngọc T, bà Phạm Thị Hồng G phải chịu 7.436.700đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị P ông Nguyễn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà P, ông M số tiền 3.257.000đ do bà P, ông M đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026834 ngày 10/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

“ Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”

Đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/11/2019). Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM
PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết